

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ HOÀI THANH

THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM
DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG (1820-1840)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

Huế, 2026

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ HOÀI THANH

**THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM
DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG (1820-1840)**

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9229013

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

Người hướng dẫn: PGS. TS Hoàng Chí Hiếu

PGS. TS Trương Công Huỳnh Kỳ

Huế, 2026

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Năm 1820, tiếp nối sự trị vì của Gia Long, hoàng tử Đảm lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Minh Mạng, trở thành vị vua thứ hai trong lịch sử vương triều Nguyễn. Trong thời gian Minh Mạng cầm quyền (1820-1840), Việt Nam đạt được những thành tựu hết sức to lớn. Yếu tố đem đến sự vững mạnh cho quốc gia không thể không kể đến chính là kinh tế. Khẳng định và dành nhiều đầu tư cho nông nghiệp nhưng không vì thế mà kinh tế phi nông nghiệp dưới triều Minh Mạng kém phát triển. Để đảm bảo hàng hóa được lưu thông trên thị trường, triều Minh Mạng đã phát huy chức năng của mình trong việc ban hành, thực thi các chính sách thương nghiệp và tổ chức quản lý hoạt động thương nghiệp chặt chẽ.

Từ trước đến nay, bản về kinh tế thương nghiệp dưới vương triều Nguyễn, giới sử học đã có nhiều công trình nghiên cứu. Tuy vậy, số lượng công trình nghiên cứu chuyên sâu về thương nghiệp dưới từng triều vua vẫn còn khá khiêm tốn. Riêng dưới triều Minh Mạng, những nội dung cụ thể về chính sách thương nghiệp, hoạt động thương mại của nhà nước/nhân dân, quan hệ giao thương giữa triều Nguyễn với các thương nhân ngoại quốc vẫn còn là những khoảng trống. Đặc biệt, chính sách “đóng cửa” của nhà Nguyễn đã bị lên án gay gắt và xem đây là một trong những nguyên nhân làm cho đất nước cô lập với thế giới bên ngoài và ngày càng suy yếu. Vậy, nhìn nhận vấn đề này như thế nào cho thỏa đáng, liệu rằng nhà Nguyễn dưới triều Minh Mạng có thật sự “ức thương” và “bế quan tỏa cảng” hay không?, nếu có thì ở mức độ nào?. Giải quyết được những vấn đề trên sẽ góp phần tái hiện bức tranh kinh tế thương nghiệp một cách rõ nét. Do đó, việc nghiên cứu thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng là việc làm có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.

Về ý nghĩa khoa học: luận án tái hiện hoạt động thương nghiệp dưới thời Minh Mạng trên các phương diện về chính sách, mặt hàng, đội ngũ thương nhân, khách thương, phương thức buôn bán,...từ đó, rút ra đặc điểm và vai trò của thương nghiệp. Mặt khác, luận án cũng góp phần đem lại những nhận thức mới về vương triều Nguyễn.

Về ý nghĩa thực tiễn: luận án rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị cho công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Luận án còn là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho việc giảng dạy, nghiên cứu về kinh tế thương nghiệp và lịch sử triều Nguyễn.

Từ những ý nghĩa trên, chúng tôi chọn vấn đề “***Thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)***” làm đề tài luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, mã số 9229013.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840), từ đó rút ra đặc điểm và vai trò của thương nghiệp.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Sưu tầm, xử lý, hệ thống hóa tư liệu liên quan.
- Phân tích những yếu tố tác động đến thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng.
- Làm rõ hoạt động nội thương và ngoại thương dưới triều Minh Mạng.
- Rút ra đặc điểm và vai trò của thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian: diễn ra trên đất nước Việt Nam, trong đó tập trung ở một số địa phương tiêu biểu và các nước trong khu vực châu Á.
- Phạm vi thời gian: tính theo thời gian trị vì của Minh Mạng, từ năm Canh Thìn (1820) đến năm Canh Tý (1840).
- Phạm vi nội dung: luận án nghiên cứu chính sách thương nghiệp, hoạt động nội thương và ngoại thương, từ đó rút ra đặc điểm, vai trò và bài học kinh nghiệm của thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng.

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu

- Tư liệu gốc: bao gồm các bộ chính sử, địa chí, hội điển do Quốc sử quán, Nội các triều Nguyễn biên soạn; những ghi chép đương đại của các thương nhân, phái đoàn ngoại giao đến Việt Nam.

- Các công trình nghiên cứu: sách chuyên khảo/tham khảo, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, hội thảo khoa học và các bài viết trên tạp chí chuyên ngành.

- Tư liệu điền dã: là kết quả của quá trình khảo sát thực địa, phỏng vấn, ghi chép tại các địa phương có sự kiện lịch sử liên quan đến hoạt động thương nghiệp dưới triều Minh Mạng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lênin làm cơ sở phương pháp luận nghiên cứu. Hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh cũng được sử dụng nhằm làm sáng tỏ các vấn đề đặt ra.

5. Đóng góp của luận án

Một là, luận án góp phần tái hiện một cách có hệ thống và toàn diện về kinh tế thương nghiệp dưới triều Minh Mạng (1820-1840) trên cả hai phương diện nội thương và ngoại thương.

Hai là, luận án phân tích, đánh giá đặc điểm và vai trò của thương nghiệp đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội dưới triều Minh Mạng, từ đó nhận diện vị trí của thương nghiệp trong nền kinh tế và đời sống chính trị, văn hóa - xã hội của đất nước.

Ba là, luận án sẽ góp thêm những nhận thức mới về triều Minh Mạng, để từ đó đi đến những đánh giá một cách chuẩn xác hơn về thương nghiệp Việt Nam, nhất là vấn đề ngoại thương dưới triều Minh Mạng.

Bốn là, luận án rút ra những bài học kinh nghiệm để có thể vận dụng trong bối cảnh phát triển đất nước gắn liền với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng nhằm khẳng định vị thế của quốc gia trên trường khu vực và quốc tế. Luận án còn là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho việc giảng dạy, nghiên cứu về lịch sử thương nghiệp dưới triều Nguyễn nói riêng và kinh tế Việt Nam dưới thời trung đại nói chung.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương.

Chương 1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2. Những yếu tố tác động đến thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)

Chương 3. Hoạt động nội thương và ngoại thương Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)

Chương 4. Đặc điểm và vai trò của thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Vài nét về Minh Mạng

Minh Mạng có tên húy là Nguyễn Phúc Đảm. Ông là con thứ tư của Gia Long. Năm 1816, ông được sách phong lập làm Hoàng thái tử. Bốn năm sau, Hoàng thái tử lên ngôi vua ở điện Thái Hòa. Dưới sự trị vì của Minh Mạng, đất nước đạt được những thành tựu nổi bật cả về chính trị, kinh tế lẫn văn hóa. Minh Mạng luôn tự răn đe bản thân phải chăm lo công việc, hiếu thuận với cha mẹ, nghiêm khắc trong dạy dỗ con em và trước thuật nhiều thơ văn.

1.1.2. Vấn đề thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)

Thương nghiệp được hiểu là lĩnh vực kinh tế chuyên thực hiện chức năng lưu thông hàng hóa qua hoạt động mua - bán. Thương nghiệp gồm nội thương và ngoại thương.

Thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng tồn tại trong giai đoạn củng cố và hoàn thiện mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Mặc dù “trọng nông” nhưng Minh Mạng không phủ nhận thương nghiệp. Từ đó, luận án hướng đến trả lời cho các câu hỏi: thương nghiệp phát triển ở mức độ nào, chính sách “trọng nông ức thương” có phải là rào cản tuyệt đối đối với hoạt động thương mại không; mối quan hệ giữa thương nghiệp và chế độ tập quyền, vai trò của thương nghiệp.

1.2. Tình hình nghiên cứu

1.2.1. Nghiên cứu về thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn

Kết quả nghiên cứu về thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn tập trung thành 5 nhóm vấn đề sau:

1.2.1.1. Nghiên cứu về chính sách thương nghiệp dưới triều Nguyễn

1.2.1.2. Nghiên cứu về hoạt động thương nghiệp ở các địa phương

1.2.1.3. Nghiên cứu về hoạt động thương nghiệp của người Hoa

1.2.1.4. Nghiên cứu về quan hệ thương mại giữa triều Nguyễn với các nước láng giềng/khu vực/phương Tây

1.2.1.5. Nghiên cứu về mặt hàng buôn bán

Trong mỗi nhóm vấn đề, luận án phân tích thành quả nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước của các học giả nổi tiếng như: Nguyễn Thế Anh, Phan Huy Lê, Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Quang Ngọc, Trương Thị Yến, Đinh Thị Hải Đường, Cao Thị Vân,...; Alexander Barton Woodside, Anthony Reid, Li Tana, Choi Byung Wook, Taga Yoshihiro,...

1.2.2. Nghiên cứu về thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)

1.2.2.1. Công trình nghiên cứu ở trong nước

Các công trình nghiên cứu về thương nghiệp dưới triều Minh Mạng chủ yếu tập trung trên lĩnh vực ngoại thương. Đó là luận văn *Ngoại thương Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)* của Lê Thị Kim Dung (Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội, 1998); bài viết “Châu bản triều Nguyễn và Châu bản năm Minh Mạng thứ 6, 7 (1825-1826)” của Phan Huy Lê (Mục lục Châu bản triều Nguyễn, Nxb Văn hóa, 1998), “Phòng chống thuốc phiện dưới thời vua Minh Mệnh (1820-1840) (Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Nga, Tạp chí *NCLS*, số 8-2016)”, “Phòng chống thuốc phiện ở Việt Nam dưới thời vua Minh Mệnh (1820-1840)” (Nguyễn Thế Trung, Tạp chí *Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 1-2023)...

1.2.2.2. Công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng được nghiên cứu qua một số công trình sau: “A new phase of commercial expansion in Southeast Asia, 1760-1840” của Anthony Reid (*The last stand of Asian autonomies: responses to modernity in the diverse states of Southeast Asia and Korea, 1750-1900*, biên tập bởi Anthony Reid (Macmillan Press); *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng* (Nxb Thế giới, 2011) của Choi Byung Wook và *Sources of Vietnamese tradition* của George E. Dutton, Jayne S. Werner và John K. Whitmore (Columbia University xuất bản, 2012).

1.3. Những vấn đề luận án kế thừa và vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những vấn đề luận án kế thừa

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trực tiếp về thương nghiệp triều Nguyễn đã cung cấp cái nhìn mang tính hệ thống và tái hiện hoạt động thương nghiệp tại đô thị/thương cảng; mạng lưới chợ; mặt hàng buôn bán; tuyến giao thương; quan hệ thương mại giữa triều Nguyễn với thương nhân ngoại quốc.

Thứ hai, mặc dù số lượng công trình chuyên sâu về thương nghiệp dưới triều Minh Mạng chưa thật nhiều nhưng những kết quả đạt được trong nghiên cứu về ngoại thương, hoạt động phòng, chống mua bán thuốc phiện, vai trò của người Hoa trong hoạt động thương mại, tình trạng buôn lậu là cơ sở để luận án có thể tham khảo.

Thứ ba, những nhận định, đánh giá về thương nghiệp triều Nguyễn/triều Minh Mạng của các nhà nghiên cứu đi trước cùng với các phương pháp tiếp cận đã gợi mở và định hướng cho chúng tôi những ý tưởng mới trong nghiên cứu.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, luận án tiếp tục làm rõ những yếu tố tác động đến thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng.

Thứ hai, luận án nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động nội thương và ngoại thương dưới triều Minh Mạng.

Thứ ba, luận án rút ra đặc điểm và vai trò của thương nghiệp đối với đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội đất nước dưới triều Minh Mạng.

CHƯƠNG 2

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG (1820-1840)

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.1. Tình hình thế giới và khu vực

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, tình hình kinh tế - chính trị của thế giới nói chung và khu vực ĐNA nói riêng đã tác động đến sự phát triển nội tại của các quốc gia. Các nước tư bản phương Tây đã có bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất, đưa đến nhu cầu ngày càng lớn về nguồn nguyên liệu, hàng hóa, nhân công và thị trường. Điều này giải thích cho những nỗ lực của người Anh, Pháp, Hà Lan trong việc thiết lập chỗ đứng tại các quốc gia phương Đông, trong đó có ĐNA.

Tại khu vực Đông Á, Trung Quốc là quốc gia có nền kinh tế lớn với sức sản xuất hàng hóa và thị trường tiêu thụ lớn. Bên cạnh đó, Singapore ra đời năm 1819 nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại lớn, thu hút sự có mặt của thương nhân các nước.

Ngoài ra, sự dịch chuyển từ mặt hàng hương liệu sang mặt hàng gạo, muối, đường đã mở ra cơ hội cho những quốc gia giàu tiềm năng về lúa, gạo như Việt Nam, Xiêm La tham gia vào thị trường rộng lớn. Bên cạnh đó, sự gia tăng hoạt động buôn bán thuốc phiện đã trở thành vấn nạn và buộc chính quyền các nước phải ứng phó bằng nhiều biện pháp.

2.1.2. Tình hình trong nước

2.1.2.1. Tình hình chính trị

Tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng hoàn chỉnh với hệ thống các cơ quan chuyên trách cùng đội ngũ quan lại có trình độ chuyên môn cao. Quân đội và luật pháp được hoàn thiện hơn. Minh Mạng đặc biệt chú trọng đến việc quản lý các vùng trọng yếu trên đất liền và biển đảo nhằm thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại, đảm bảo an ninh hải thương. Ngoài ra, các cuộc nổi dậy đã ảnh hưởng đến hoạt động thương mại.

2.1.2.2. Tình hình kinh tế

** Nông nghiệp*

Được xác định là ngành kinh tế đóng vai trò chủ đạo, nông nghiệp

được nhà nước quan tâm thông qua việc triển khai các chính sách về ruộng đất nhằm quản lý và mở rộng diện tích canh tác; công tác thủy lợi, diệt trừ sâu bọ, trồng giống lúa mới, phát triển kinh tế vườn. Sự ổn định của nền kinh tế đã tạo nên nguồn lương thực, thực phẩm không chỉ đáp ứng cho nhu cầu của cư dân sở tại mà còn dư thừa để bán ra thị trường trong và ngoài nước.

** Thủ công nghiệp*

Thủ công nghiệp nhà nước có bước phát triển. Các sản phẩm: thuyền, vũ khí, mặt hàng thủ công đáp ứng cho hoạt động công cán ra nước ngoài mua bán; tuần tra trên biển và phòng, chống giặc biển bảo vệ thuyền buôn.

Thủ công nghiệp dân gian có mặt khắp các địa phương với sự đa dạng về ngành nghề như gốm, dệt vải, đúc đồng, làm đường,... Thủ công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc cung ứng hàng hóa ra thị trường.

2.1.2.3. Tình hình văn hóa - xã hội

** Tình hình văn hóa*

Đời sống văn hóa có những bước phát triển mới. Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo cùng các tín ngưỡng dân gian làm đời sống tôn giáo, tư tưởng trở nên đa dạng. Bên cạnh đó, nền giáo dục, khoa cử đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần đào tạo đội ngũ trí thức đông đảo.

** Tình hình xã hội*

Xã hội được vận hành trong khuôn khổ của nền quân chủ tập quyền. Đời sống xã hội chịu sự chi phối mạnh mẽ của các quy định, điển lễ Nho giáo. Điều này góp phần tạo nên một trật tự xã hội kỷ cương. Các chính sách xã hội được triều đình ban hành đã có tác dụng tích cực đối với sự ổn định xã hội. Tuy nhiên, thiên tai, mất mùa, thuế khóa vẫn còn đe dọa cuộc sống của người dân.

2.2. Tình hình thương nghiệp Việt Nam trước năm 1820

2.2.1. Nội thương

Các triều đại quân chủ trước năm 1820 đã ban hành các chính sách về tiền tệ, đo lường, thuế. Trên cơ sở đó, mạng lưới chợ, trung tâm buôn bán lớn và các tuyến giao thương được hình thành và ngày càng phát triển. Đến triều Gia Long, cả nước có khoảng hơn 600 chợ với sự phong phú của các chủng loại hàng hóa.

2.2.2. Ngoại thương

Trong giai đoạn gần 10 thế kỷ, các triều đại quân chủ đã thiết lập quan hệ thương mại với thương nhân các nước láng giềng/khu vực/phương Tây. Đến triều Gia Long, nhà vua vẫn cho phép thương nhân các nước đến Việt Nam buôn bán. Trong quan hệ thương mại với thương nhân ngoại quốc, Việt Nam mua vũ khí, nguyên liệu đúc vũ khí, tơ lụa, đồ thủ công,... và bán ra sản vật, đường, quế,...

2.3. Chính sách thương nghiệp của triều Minh Mạng (1820-1840)

2.3.1. Tổ chức cơ quan quản lý thương nghiệp

Hoạt động thương nghiệp chịu sự quản lý của 3 ty Tào chính, Thương bạc, Hành nhân và triều đình còn giao cho các bộ Hộ, Công, Hình, Binh phụ trách một số mảng công việc có liên quan.

2.3.2. Thống nhất đơn vị tiền tệ và đo lường

Triều đình cho đúc các loại tiền đồng, đồng bạc với tên gọi Minh Mạng thông bảo, Minh Mạng phi long. Ngoài ra, triều đình còn thống nhất giá trị quy đổi các đơn vị tiền tệ, tỷ lệ pha trộn các kim loại trong đúc tiền, cấm đúc trộm, sử dụng hình thức giao tử vụ.

Triều Minh Mạng quy định các loại dụng cụ (phương, hộc, thăng, yến và các hạng cân thiên bình, trung bình) và chức năng của từng đơn vị đo lường. Trên cơ sở đó, nhà nước tiến hành chế tác dụng cụ đo lường mẫu để ban cấp trực tiếp cho các địa phương.

2.3.3. Phát triển cơ sở hạ tầng thương mại

Triều Minh Mạng tập trung cho công tác xây dựng, tu sửa đường, cầu cống. Với đường thủy, nhà nước tiến hành đào vét sông ngòi, kênh và khai thác đường biển trong việc vận chuyển vật hàng của công và hoạt động thương mại. Ngoài ra, triều đình còn mở rộng mạng lưới chợ, cảng biển phục vụ cho hoạt động thương mại.

2.3.4. Hoàn thiện thuế thương nghiệp

2.3.4.1. Thuế nội thương

Thuế nội thương bao gồm thuế quan tân, thuế biệt nạp, thuế hàng hóa, thuế chợ. Triều đình quy định cụ thể về phương thức nộp thuế, nộp thuế bằng tiền đồng/bạc; miễn/giảm thuế; trách nhiệm của quan lại thu thuế.

2.3.4.2. Thuế ngoại thương

Thuế ngoại thương bao gồm thuế lưu trú, thuế nhập cảng, thuế hàng hóa. Ngoài ra, chính sách về việc khai báo, quản lý thuế, ngăn ngừa và xử phạt thuyền buôn/quan lại sai phạm cũng đã được ban hành.

2.3.5. Quản lý thuyền buôn và thương nhân

2.3.5.1. Đối với thuyền buôn và thương nhân trong nước

Quản lý thuyền buôn và thương nhân trong nước thể hiện ở quy định liên quan đến bài thuyền; tư thương tham gia vận chuyển hàng hóa của nhà nước; hoạt động của thương nhân Hoa kiều; chính sách cấm đóng thuyền kiểu lạ/kiểu thuyền của người Thanh và đổi tên gọi các loại thuyền. Nhà nước chỉ khuyến khích hoạt động buôn bán của thương nhân ở trong nước và cấm họ ra nước ngoài buôn bán.

2.3.5.2. Đối với thuyền buôn và thương nhân ngoại quốc

Triều đình tăng cường việc kiểm soát số lượng người, hàng hóa trên thuyền buôn, quy định về địa điểm cập cảng, hạn chế sự tiếp xúc giữa thương nhân phương Tây với người dân.

2.3.6. Kiểm soát chặt chẽ hàng hóa xuất nhập khẩu

Triều đình cho phép mặt hàng được xuất khẩu là đường, đậu khấu, hồ tiêu, sa nhân, ngà voi, sừng tê, yến sào,...và nhập khẩu súng cầm tay, thuốc súng, thuyền chạy bằng hơi nước, vải bông len, vải gấm, đồ thủy tinh, kính, gương, gạo và cấm nhập khẩu thuốc phiện.

2.3.7. Đẩy mạnh hoạt động ngoại thương của nhà nước

Triều Minh Mạng đã cử phái viên đến Trung Quốc và các quốc gia ĐNA để buôn bán. Theo đó, triều đình đặt ra một quy trình chặt chẽ từ cất đặt phái viên, phái viên nhận lĩnh hàng hóa cho đến cách thức buôn bán, giá cả hàng hóa, thủ tục khai báo hàng hóa mua về và nhập cảng. Triều đình còn ban hành chế độ đối với các phái viên như cấp lương thực, ứng lương, cấp tiền tuất, thời gian nghỉ phép, trừng phạt nghiêm khắc đối với những phái viên, binh lính sai phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2.3.8. Đảm bảo an toàn, an ninh cho hoạt động thương mại

2.3.8.1. Cứu hộ và cứu nạn thuyền buôn

Trước những tai nạn mà thuyền buôn gặp phải như thiên tai, mắc cạn, va phải đá ngầm, lật thuyền, cháy, triều Minh Mạng khẩn trương cử lực lượng đến ứng cứu kịp thời. Tùy theo mức độ nặng nhẹ để có các hình thức hỗ trợ phù hợp (cấp tiền, gạo, đưa thuyền buôn trở về nước, miễn thuế).

2.3.8.2 Phòng và chống hải tặc bảo vệ thuyền buôn

Việc phòng, chống giặc biển luôn được xác định là công tác trọng tâm nhằm đảm bảo an ninh vùng biển, đảo. Để phòng, chống giặc

biển, triều đình đẩy mạnh công tác tuần tra biển, cấp thuyền, vũ khí cho một số địa phương để phòng vệ và cử lực lượng giải cứu thuyền buôn khi bị giặc biển tấn công.

CHƯƠNG 3

HOẠT ĐỘNG NỘI THƯƠNG VÀ NGOẠI THƯƠNG DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG (1820-1840)

3.1. Nội thương

3.1.1. Hoạt động buôn bán của nhà nước

3.1.1.2. Hoạt động thu mua hàng hóa

** Mục đích*

Hoạt động thu mua hàng hóa nhằm đáp ứng cho các hoạt động chính trị - xã hội, quân sự và văn hóa của nhà nước; hoạt động ngoại giao và xuất khẩu hàng hóa.

** Phương thức*

Hàng năm, bộ Hộ xét tính ở Kinh đô cần dùng những mặt hàng gì và số lượng là bao nhiêu. Danh sách sẽ gửi về các địa phương để thu mua hoặc nhà nước sẽ cử phái viên đến các địa phương trực tiếp thu mua.

Cùng với việc thu mua hàng hóa sẵn có, triều Minh Mạng còn tiến hành cấp vốn cho các hộ sản xuất và sẽ thu số hàng đã đặt sau khi hộ sản xuất hoàn thành. Việc ứng vốn có thể bằng thóc, gạo hoặc tiền.

** Mặt hàng*

Mặt hàng được thu mua rất đa dạng, có thể chia thành các nhóm hàng: ngũ cốc, ngũ kim, tơ lụa, các vị thuốc, các loại trà, hoa quả, sản vật, đồ dùng và tạp liệu.

Triều đình còn quy định về chủng loại, số lượng hàng hóa thu mua theo định kỳ hoặc vào thời điểm cần ngay; về công tác vận tải hàng hóa và về việc xây dựng hệ thống kho tàng nhằm lưu giữ, bảo quản hàng hóa.

** Giá cả*

Giá cả thu mua được căn cứ vào giá của những nhà buôn, nhà sản xuất hoặc giá tại chợ. Có khi, triều đình mua với giá cao hơn thị trường. Việc thu mua luôn được thực hiện trên tinh thần “không phải so kè vật giá cao hạ” và nhà nước thường trả với mức giá tốt cho các hộ sản xuất.

** Chế độ đối với quan lại*

Triều đình cấp lộ phí cho các quan từ Kinh đô đến các địa phương thu mua hàng hóa. Quan lại hoàn thành tốt nhiệm vụ được thưởng tiền hoặc bạc. Với quan lại phạm lỗi như trả giá thấp so với giá nhà nước quy định, cân quá số lượng hay gây khó dễ cho người bán đều bị xử phạt thích đáng.

** Đảm bảo lợi ích cho người bán hàng*

Triều đình luôn quan tâm đến lợi ích của người bán hàng. Khi người dân gặp khó khăn trong việc cung cấp các mặt hàng, Minh Mạng đều cho dừng việc thu mua. Mặt khác, nếu việc thu mua bất hợp lý và gây khó khăn cho người dân thì nhà nước cũng đều bãi miễn.

3.1.1.2. Hoạt động bán hàng hóa

** Mục đích*

Hoạt động bán hàng hóa của nhà nước nhằm hai mục đích. Thứ nhất, nhà nước bán thóc, gạo nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt lương thực và điều tiết giá gạo trên thị trường. Thứ hai, nhằm giải quyết tình trạng tồn đọng hàng hóa.

** Phương thức*

Triều đình sẽ cử quan viên trực tiếp đến các địa phương thực hiện nhiệm vụ bán hàng cho dân.

** Giá cả*

Xuất phát từ mục đích cứu đói, điều tiết giá gạo trên thị trường nên giá cả nhà nước đưa ra luôn thấp hơn thị trường và thường dao động trong khoảng từ 8 tiền đến 1 quan tiền/1 hộ thóc. Các mặt hàng khác như tơ sống, vải, thuốc theo giá trên thị trường.

** Hoạt động*

Vào những thời điểm mất mùa, đói kém, giá gạo tăng cao, nhà nước tiến hành bán gạo cho dân vào tháng 2-1820, 11-1820, 9-1822, 10-1822, 11-1822, 1-1823, 11-1823, 4-1824, 7-1824, 9-1825, 3-1829, 2-1832, 8-1832, 11-1832, 1-1833, 2-1833, 3-1833, 7-1833, 8-1833, 11-1833, 2-1834, 6-1835, 10-1835...

** Chế độ đối với quan lại*

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ bán hàng hóa của nhà nước, các viên quan phụ trách được hưởng chế độ dưỡng liêm, lộ phí; việc đi về đều theo chế độ ngựa trạm và mỗi người được mang theo 3 người tùy tùng. Với những sai phạm như cân đong không đúng số lượng, triều đình đều xử phạt nghiêm khắc.

3.1.2. Hoạt động buôn bán của nhân dân

3.1.2.1. Thành phần buôn bán

Thương nhân tham gia vào hoạt động thương mại gồm tiểu thương, tiểu chủ, lái buôn. Người nông dân và thợ thủ công cũng có thể trở thành thương nhân trong một thời gian ngắn tại phiên chợ.

Xét về thành phần tộc người, có dân tộc thiểu số, người Việt và người Hoa.

Xét theo giới, người phụ nữ là lực lượng chính yếu tại các chợ địa phương. Với các chuyến buôn bán đường dài, ngoài nữ giới còn có cả nam giới.

3.1.2.2. Mạng lưới chợ, phố và trung tâm buôn bán

Dưới triều Minh Mạng, mạng lưới chợ có bước phát triển mạnh mẽ. Về địa điểm, chợ ở huyện, xã thường được họp ở những nơi có không gian rộng rãi, gần bến sông, chợ nổi trên sông, sân chùa hay gần với nhà chùa.

Về thời gian, chợ chủ yếu họp theo phiên. Thời gian của từng phiên chợ diễn ra với ba khung thời gian chính: buổi sáng, buổi chiều hoặc nguyên ngày.

Về quy mô, cấu trúc, có chợ mang tính tạm bợ, họp trên bãi đất trống, dựng tạm bằng tre, có chợ đã có hàng quán kiên cố.

Ngoài chợ làng, chợ huyện, hoạt động nội thương còn diễn ra sôi động tại các phố phường, đô thị.

3.1.2.3. Phương thức buôn bán

Tại các chợ làng xã, người nông dân hoặc thợ thủ công đem nông sản, mặt hàng thủ công đến chợ để bán và mua về các loại hàng hóa phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Với lực lượng thương nhân chính quy, có bộ phận chuyên “mua đầu chợ, bán cuối chợ” hoặc nếu có vốn nhiều thì sẽ thu mua một lượng hóa lớn từ nhà sản xuất, sau đó đem bán ra thị trường.

3.1.2.4. Mặt hàng buôn bán

Có thể chia mặt hàng chính được trao đổi ở chợ thành các nhóm: nông sản (lúa, gạo, khoai, đậu, hoa quả...); lâm thổ sản (dầu rái, sơn sống, nhựa trám, trầm hương, kỳ nam, quế, sập ong...); thủy hải sản (tôm, cua, cá, mực...); hàng thủ công (công cụ lao động, gốm, vải, chiếu, nón, giấy, đường...).

3.1.2.5. Các tuyến giao thương

** Tuyến giao thương giữa các tỉnh*

Minh Mạng đã từng khẳng định vận chuyển hàng hóa từ chỗ có đến chỗ không làm lợi cho dân buôn luôn là nhu cầu thiết yếu. Nổi bật là tuyến buôn bán thóc, gạo, muối giữa các tỉnh và giữa các tỉnh Nam kỳ với các tỉnh Trung Kỳ. Việc lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh phần lớn được chuyên chở bằng đường sông hoặc đường biển.

** Tuyến giao thương giữa miền xuôi và miền ngược*

Núi rừng cung cấp cho con người sản vật quý hiếm nhưng lại thiếu đi những vật phẩm như gạo, muối. Do vậy, tuyến giao thương xuôi - ngược là một phần quan trọng trong nền thương mại nội địa. Thành phần tham gia vào hoạt động trao đổi hàng hóa khá đa dạng, từ những thương lái chuyên nghiệp đến những người không chuyên bao gồm cả người Kinh lẫn các tộc người thiểu số.

3.2. Ngoại thương

3.2.1. Hoạt động buôn bán với thương nhân các nước trong khu vực

3.2.1.1. Buôn bán với thương nhân Trung Quốc

Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc chiếm giữ vị trí quan trọng trong nền ngoại thương. Mặt hàng buôn bán giữa hai nước thường là: Việt Nam mua về các loại vải, gốm sứ, trái cây,... và bán ra cau, đậu khấu, cá khô, đường, quế... Ngoài ra, triều đình còn cử các phái viên sang Quảng Đông để chọn mua hàng hóa và đặt mua hàng từ thuyền buôn Trung Quốc.

3.2.1.2. Buôn bán với các thương nhân ĐNA

Triều Minh Mạng đã tiến hành buôn bán với thương nhân Chân Lạp, Ai Lao, Xiêm La, Singapore, Batavia. Mặt hàng nhà nước đem bán là gạo, đường, quế, cánh kiến... và mua về đồ trang sức, thủy tinh, vải bông, len, vũ khí, thuyền hơi nước...

3.2.2. Hoạt động buôn bán với các thương nhân phương Tây

3.2.2.1. Buôn bán với thương nhân Anh

Xuất phát từ chủ trương hạn chế trong quan hệ thương mại với phương Tây khiến cho hoạt động buôn bán với thương nhân Anh chỉ được phản ánh qua các sự kiện vào năm 1838, 1840. Triều Minh Mạng bán cho thương nhân Anh chủ yếu là đường và mua lại kẽm, thuốc nổ, thuốc súng, súng, thuyền chạy bằng hơi nước.

3.2.2.2. Buôn bán với thương nhân Pháp

Nhà nước vẫn cho phép thương nhân Pháp chỉ đơn thuần đến buôn bán. Do vậy, họ đã đến Việt Nam vào các năm 1824, 1825, 1826, 1830. Triều đình bán đường và mua về súng, đá lửa, thuốc súng.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA THƯƠNG NGHIỆP VIỆT NAM DƯỚI TRIỀU MINH MẠNG (1820-1840)

4.1. Đặc điểm

4.1.1. Thương nghiệp được vận hành trong một cơ chế nhất quán với sự quản lý chặt chẽ của nhà nước

Thương nghiệp được vận hành trong một cơ chế nhất quán gắn liền với hệ thống các chính sách về tiền tệ, đo lường, thuế, thương nhân, thuyền buôn. Đồng thời, hoạt động thương nghiệp chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước trong cả nội thương và ngoại thương.

4.1.2. Nội thương diễn ra trên quy mô rộng lớn với sự tham gia của nhiều thành phần xã hội và với nhiều hình thức trao đổi, buôn bán khác nhau

Xét về quy mô, nội thương phát triển trên một phạm vi lãnh thổ rộng lớn nhất từ trước đến bấy giờ với mạng lưới chợ khắp các địa phương và các trung tâm buôn bán. Xét về thành phần buôn bán, gồm có triều đình, quan lại, nông dân, thợ thủ công, thương nhân chuyên nghiệp. Xét về hình thức, bên cạnh hình thức buôn bán nhỏ, lẻ ở chợ làng còn có hoạt động trao đổi hàng hóa với quy mô lớn (dọc theo tuyến giao thông thủy bộ, trục Bắc - Nam).

4.1.3. Ngoại thương có bước phát triển nhưng chủ yếu diễn ra trong phạm vi Nội Á

Xuất phát từ chính sách “hạn chế phương Tây” khiến cho ngoại thương chủ yếu diễn ra trong phạm vi Nội Á. Hơn lúc nào hết, mối quan hệ thương mại Việt Nam với Trung Quốc, đặc biệt với Singapore có bước phát triển mạnh mẽ. Nền ngoại thương diễn ra trong phạm vi Nội Á đã đem lại những thành tựu đáng kể nhưng việc hạn chế giao thương với phương Tây đã làm giảm cơ hội cho triều Minh Mạng có thể tiếp cận với công nghệ và hàng hóa phương Tây.

4.1.4. Nhà nước độc quyền ngoại thương và một số mặt hàng

Nhà nước độc quyền trong hoạt động ngoại thương qua các chuyến công vụ ra nước ngoài buôn bán và trong việc buôn bán các mặt hàng chiến lược. Tính độc quyền này nhằm củng cố quyền lực quốc gia, tập trung được nguồn lợi tài chính, bảo đảm an ninh nhưng nó cũng gây ra những hệ lụy đối với kinh tế.

4.1.5. Thương nghiệp có mối liên hệ mật thiết với việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền quốc gia

Thương nghiệp không chỉ là hoạt động kinh tế thuần túy mà còn gắn chặt với vấn đề chủ quyền quốc gia. Việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền quốc gia được biểu hiện qua sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước với hoạt động buôn bán ở biên giới, những biện pháp đảm bảo an ninh cho thương thuyền đi lại trên vùng biển và đặc biệt là chính sách hạn chế trong quan hệ thương mại với phương Tây.

4.2. Vai trò

4.2.1. Đối với kinh tế

4.2.1.1. Đóng góp vào nguồn thu cho ngân khố quốc gia

Thuế thương nghiệp là một nguồn thu cho ngân khố quốc gia. Từ khoản thu này, nhà nước có khả năng duy trì mức dự trữ, bảo đảm cho các hoạt động chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa - xã hội.

4.2.1.2. Lưu thông tiền tệ và hàng hóa trong nền kinh tế

Hoạt động thương mại có tác dụng to lớn trong việc lưu thông, phân phối tiền và hàng hóa. Vai trò này góp phần đưa đến sự ổn định về giá cả cũng như tạo nên môi trường thuận lợi cho sản xuất và tiêu dùng.

4.2.1.3. Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp

Sự phát triển của thương nghiệp phụ thuộc rất lớn vào các mặt hàng của nông nghiệp và thủ công nghiệp. Ngược lại, yêu cầu hàng hóa đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng lại trở thành lực đẩy, kích thích sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp.

4.2.2. Đối với chính trị

4.2.2.1. Củng cố quyền lực trong nước và khẳng định vị thế quốc gia trong khu vực

Từ nguồn thuế thương nghiệp, nhà nước duy trì hoạt động của quốc gia. Hàng hóa có được từ hoạt động thương mại đem lại của cải vật chất cho quốc gia. Từ nguồn này, nhà nước tiến hành xây dựng công trình công cộng, hiện đại hóa quân sự, ban cấp cho quan quân. Vị thế của quốc gia còn thể hiện qua hoạt động ngoại thương; cứu hộ, cứu nạn thuyền buôn và phòng, chống hải tặc.

4.2.2.2. Góp phần vào việc duy trì và phát triển quan hệ bang giao với các quốc gia láng giềng/khu vực

Việc thiết lập quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia có ý nghĩa củng cố mối bang giao. Triều đình còn tiến hành bán hoặc cho vay gạo đổi với các nước gặp khó khăn về lương thực và cứu nạn thuyền buôn ngoại quốc đã tạo dựng hình ảnh của một quốc gia có tiềm lực kinh tế, có trách nhiệm, từ đó góp phần xây dựng mối quan hệ hòa hảo giữa các quốc gia.

4.2.3. Đối với văn hóa - xã hội

4.2.3.1. Đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa của các tầng lớp trong xã hội

Hàng hóa có được từ thương nghiệp đã đáp ứng đời sống văn hóa vật chất và tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân. Ngoài ra, hoạt động thương nghiệp còn được xem là một kênh giao lưu, tiếp biến văn hóa với nhiều đối tượng trên các không gian khác nhau. Đó là giao lưu người Việt với người Việt, người Việt với người ngoại quốc.

4.2.3.2. Thúc đẩy quá trình mở rộng và phát triển đô thị

Dưới tác động của hoạt động thương nghiệp, Gia Định, Phú Xuân, Đà Nẵng,... và các trung tâm buôn bán địa phương có bước biến chuyển mạnh mẽ.

4.2.3.3. Mở rộng hiểu biết về tình hình các nước, ngành nghề và trình độ khoa học kỹ thuật

Thương nghiệp là một công cụ để triều Minh Mạng nắm bắt tình hình đã và đang diễn ra ở các nước láng giềng/khu vực. Ngoài ra, nó còn thúc đẩy cho những hiểu biết về khoa học công nghệ đương thời và đặt ra yêu cầu về một đội ngũ thông thạo ngoại ngữ để phục vụ cho hoạt động thương mại.

4.2.3.4. Ổn định và duy trì trật tự an ninh xã hội, đặc biệt là vùng biên giới và hải đảo

Thông qua mạng lưới chợ, sở tuần ty, thương cảng, nhà nước tăng cường vai trò giám sát và giữ gìn an ninh trật tự xã hội, nhất là ở vùng cao, biên giới, hải đảo. Ngoài ra, triều đình còn quan tâm đến việc quản lý chặt chẽ việc mua bán thuốc phiện.

KẾT LUẬN

1. Hoàng đế Minh Mạng đã từng nhấn mạnh “người buôn bán thì làm cho tài hóa lưu thông” (QSQTN, 2007d, tr.233). Đây là chính lời

khẳng định về vai trò của tầng lớp thương nhân nói riêng và thương nghiệp nói chung đối với đời sống kinh tế - xã hội. Do vậy, trong suốt hơn hai mươi năm trị vì của mình, nhà vua không chỉ chăm lo đến nông nghiệp mà còn hết sức lưu tâm đến phát triển thương nghiệp, mà trước tiên là vấn đề chính sách. Có thể thấy, chính sách thương nghiệp dưới triều Minh Mạng khá tiêu biểu và giữ vai trò nền tảng cho các giai đoạn sau. Cụ thể, Minh Mạng đã tiến hành thống nhất đơn vị tiền tệ, đo lường; phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, đảm bảo an toàn, an ninh thương mại qua cứu hộ, cứu nạn và phòng, chống giặc biển để hoạt động thương nghiệp được diễn ra thuận lợi. Đồng thời, chính sách hoàn thiện thuế nội thương/ngoại thương; quản lý thuyền buôn và thương nhân trong nước/ngoài nước; kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu cũng được ban hành là cơ sở để thương nghiệp hoạt động theo đúng khuôn khổ mà nhà nước quy định.

2. Hoạt động thương nghiệp dưới triều Minh Mạng đã đạt được những kết quả đáng kể. Trên lĩnh vực nội thương, hoạt động buôn bán của nhà nước và nhân dân diễn ra khá sôi nổi. Là một bộ phận cấu thành nên nền nội thương, hoạt động thu mua hàng hóa của nhà nước đã được triều Minh Mạng thực hiện một cách thường xuyên để cho dân không bị ứ đọng hàng hóa mà nhà nước có đủ các mặt hàng để chi dùng. Từ việc đề xuất chính sách đến việc triển khai mua hàng hóa sẵn có hoặc ứng vốn cho nhà sản xuất bằng tiền/thóc để có đủ các mặt hàng đa dạng trên khắp cả nước được tiến hành một cách rất tích cực và chủ động dưới sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của triều đình. Hoạt động thu mua hàng hóa của nhà nước luôn được thực thi trên tinh thần đảm bảo quyền lợi cho người dân. Đó là giá cả thu mua luôn được căn cứ theo thị trường và trong một số trường hợp, nhà nước còn trả giá cao hơn so với giá đã thu mua trước đó. Mặt khác, nhà nước trả cho hộ sản xuất hay người dân buôn bán bằng tiền/bạc hoặc nửa tiền nửa bạc phản ánh tính linh hoạt của triều đình nhằm hỗ trợ tối đa cho người dân. Việc thanh toán hàng hóa hay cấp vốn bằng thóc/gạo khi nhà nước thu mua các mặt hàng là một phương cách hữu hiệu và rất linh động của triều Minh Mạng để giảm bớt tình hình giá gạo tăng và đảm bảo nguồn lương thực trong những thời điểm mất mùa. Không chỉ đóng vai trò là người mua, nhà nước còn trở thành người bán hàng cho dân. Mặt hàng chủ yếu được nhà nước bán là thóc, gạo. Vào những thời điểm người dân gặp mất mùa, đói kém,

nhà nước mở kho thóc, sai quan đến các địa phương để bán gạo cho dân. Như vậy, hoạt động buôn bán của nhà nước đã có thêm chức năng điều tiết giá gạo, cứu trợ cho dân. Điều mà hoạt động thương mại của nhân dân khó có thể thực hiện được. Khác với hoạt động buôn bán của nhà nước, hoạt động buôn bán trong nhân dân diễn ra với phạm vi rộng lớn và đa dạng về đối tượng tham gia. Mạng lưới chợ được phủ khắp các tỉnh trong cả nước. Với các đô thị, thị trường buôn bán còn diễn ra ở phố phường, trung tâm buôn bán, thương cảng. Hoạt động buôn bán trong nhân dân thu hút mọi tầng lớp, từ thương nhân, nông dân, thợ thủ công cho đến cả quan chức, binh lính với đủ thành phần nam, nữ, già, trẻ. Do vậy, có thể xem mỗi một phiên chợ là hình ảnh của một xã hội thu nhỏ.

Trên lĩnh vực ngoại thương, triều Minh Mạng đã có các mối giao thương với thương nhân các nước láng giềng, các nước trong khu vực và thương nhân phương Tây. Trong đó, quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc luôn chiếm vị trí số một. Đặc điểm địa lý gần kề cùng truyền thống buôn bán lâu đời đã khiến thương nhân Trung Quốc trở thành khách thương quen thuộc trong những năm 1820-1840. Bên cạnh đó, quan thuyền triều Minh Mạng đến các nước thuộc vùng ĐNA hải đảo với số lượng nhiều nhất trong số các triều vua Nguyễn được xem là một điểm rất nổi bật của nền ngoại thương bấy giờ. Như vậy, chính sách hướng Nam của triều Minh Mạng đánh dấu bước tiến mới cả trong tư duy và hành động. Ngoại thương Việt Nam không chỉ là chiều đến của thương nhân ngoại quốc mà còn là chiều đi từ phía Việt Nam. Hoạt động thương mại này đã chứng tỏ khả năng hàng hải và năng lực kinh doanh của người Việt. Cánh cửa hải thương mở ra đối với các nước trong vùng quần đảo Mã Lai đánh dấu cho sự hội nhập của Việt Nam vào mạng lưới thương mại khu vực Nội Á. Với phương Tây, triều Minh Mạng thực thi những hạn chế quan hệ thương mại với thương nhân các nước này. Dù rằng mối giao thương này rất “nhỏ giọt” trong sự đối sánh với quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc hay Việt Nam - ĐNA nhưng ít nhiều sự tiếp xúc này đã mang lại những mặt hàng mà triều đình mong muốn. Gắn liền với hoạt động thu mua hàng hóa từ các địa phương trên khắp cả nước và thu mua hàng hóa từ nước ngoài là việc vận hành công tác vận tải nhằm chuyển hàng hóa từ địa điểm thu mua và hàng ngoại quốc được thu mua trực tiếp từ bến cảng hay từ quan thuyền từ

nước ngoài về đến cửa biển về Kinh đô. Bên cạnh đó, triều Minh Mạng còn đặc biệt chú trọng việc lưu giữ và bảo quản hàng hóa. Như vậy, sau khi các giao dịch thương mại hoàn tất, triều đình đã triển khai một cách đồng bộ từ công tác vận chuyển đến lưu giữ, bảo quản hàng hóa. Trên cơ sở đó, nhà nước sẽ có đủ lượng hàng hóa cần thiết để có thể đáp ứng các yêu cầu cụ thể của triều đình tại Kinh đô hay các địa phương theo từng thời điểm với chất lượng hàng hóa được bảo đảm tốt nhất.

3. Từ hoạt động buôn bán ở trong và ngoài nước, thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng mang trong mình những đặc điểm nổi bật, đó là thương nghiệp được vận hành trong một cơ chế nhất quán với sự quản lý chặt chẽ của nhà nước, nội thương diễn ra trên quy mô rộng lớn với sự tham gia của nhiều thành phần xã hội và với nhiều hình thức trao đổi, buôn bán khác nhau; ngoại thương có bước phát triển nhưng chủ yếu diễn ra trong phạm vi Nội Á; nhà nước độc quyền ngoại thương và một số mặt hàng và thương nghiệp dưới triều Minh Mạng có mối liên hệ mật thiết với việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đồng thời, thương nghiệp cũng đã khẳng định vai trò trên tất cả các phương diện kinh tế (đóng góp vào nguồn thu cho ngân khố quốc gia; lưu thông tiền tệ và hàng hóa; thúc đẩy nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển; chính trị (củng cố quyền lực; khẳng định vị thế của quốc gia; duy trì và phát triển quan hệ bang giao; văn hóa - xã hội (đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa vật chất và tinh thần; giao lưu, tiếp biến văn hóa; thúc đẩy quá trình mở rộng và phát triển đô thị; mở rộng hiểu biết về tình hình các nước trong khu vực, về ngành nghề, khoa học kỹ thuật; ổn định, duy trì trật tự an ninh xã hội, an ninh vùng biên giới, hải đảo). Với những vai trò to lớn, thương nghiệp thật sự chiếm giữ vị trí không kém phần quan trọng trong sự ổn định, phát triển của quốc gia.

4. Bên cạnh những thành tựu đạt được, nền thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng vẫn còn một số hạn chế. Đó là thương nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng bởi sự chi phối của tư tưởng “trọng nông ức thương”; hoạt động ngoại thương của tư thương không được khuyến khích; nghiêm ngặt trong quan hệ giao thương với phương Tây; nhà nước chưa phát huy hết thế mạnh của một số mặt hàng chủ lực như gạo, sản vật tự nhiên; sai phạm của quan lại trong quá trình thực thi công vụ và tình trạng buôn lậu vẫn

còn tiếp diễn. Trong đó, hoạt động buôn lậu gạo và thuốc phiện gây ra những hậu quả tiêu cực cả về kinh tế lẫn xã hội. Triều đình không chỉ gặp khó khăn trong việc kiểm soát an ninh lương thực, thuế, thuyền buôn mà nghiêm trọng hơn cả những hệ lụy về sức khỏe và sự ổn định của xã hội mà lượng thuốc phiện được đem vào Việt Nam. Đây cũng chính là hạn chế về tư tưởng, chính sách và quá trình thực hiện. Điều này đã tác động rất lớn đến hoạt động, kết quả của sự phát triển thương nghiệp và khiến Việt Nam bỏ lỡ những cơ hội để hội nhập với mạng lưới thương mại quốc tế trong thế kỷ XIX.

5. Trên cơ sở nghiên cứu thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng, luận án bước đầu rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế thương nghiệp của đất nước trong bối cảnh hiện nay.

Thứ nhất, bài học về xác lập vai trò của nhà nước trong quản lý và định hướng thương nghiệp. Dưới triều Minh Mạng, nhà nước quản lý và định hướng thương nghiệp phát triển phù hợp với thể chế chính trị cũng như tình hình thực tế của đất nước trên các phương diện về nguồn nhân lực, nguồn hàng hóa, điều kiện lưu thông hàng hóa và tình hình kinh tế khu vực/quốc tế. Với mục tiêu thúc đẩy sản xuất trong nước, lưu thông hàng hóa, bổ sung tài chính cho ngân khố quốc gia nhưng không tách rời với ổn định xã hội và củng cố quyền lực trung ương, nhà nước đã thực hiện vai trò quản lý qua việc xây dựng hệ thống cơ quan chuyên trách về hoạt động thương nghiệp; ban hành các chính sách thương nghiệp, điều tiết thị trường, thiết lập các quan hệ thương mại với các nước. Bên cạnh đó, nhà nước phải luôn linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách nhằm thích ứng trước những biến chuyển của thị trường trong nước/khu vực/quốc tế và nhu cầu phát triển của đất nước. Như vậy, vai trò của nhà nước trong việc quản lý, định hướng thương nghiệp là điều tất yếu.

Thứ hai, bài học về kết hợp giữa phát triển thương nghiệp với đảm bảo chủ quyền, an ninh quốc gia. Hoạt động thương nghiệp không đơn thuần chỉ phục vụ kinh tế mà còn gắn bó rất mật thiết với chủ quyền và an ninh quốc gia. Có thể thấy, triều Minh Mạng luôn đặt vấn đề kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn bán cả trong nước và ngoài nước lên hàng đầu không nhằm ngoài mục đích duy trì sự ổn định chính trị - xã hội và đảm bảo chủ quyền quốc gia trong bối cảnh xâm nhập với mức độ ngày càng gia tăng của phương Tây. Hay nói

cách khác, việc giữ vững chủ quyền quốc gia, duy trì sự ổn định chính trị - xã hội luôn là mục tiêu số một và cũng là nguyên tắc cho mọi hoạt động liên quan trực tiếp đến thương nghiệp. Đặc biệt, trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, với xu thế phát triển kinh tế không thể tách rời với nền kinh tế khu vực, thế giới thì việc đảm bảo chủ quyền quốc gia trong các mối quan hệ thương mại khu vực, quốc tế lại là điều hết sức cần thiết.

Thứ ba, bài học về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho sự phát triển thương nghiệp. Dù gặp nhiều khó khăn về trình độ kỹ thuật và phải huy động một nguồn nhân lực lớn nhưng triều Minh Mạng đã nỗ lực hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng qua việc tu sửa con đường cái quan, nạo vét sông ngòi, khai kênh, bến cảng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa, mở rộng thương mại nội địa. Trong giai đoạn hiện nay, giao thông vận tải với đầy đủ các phương thức đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không đã và đang được cải thiện cả về số lượng và chất lượng. Đây là nhiệm vụ và cũng là yêu cầu bức thiết bởi lẽ cơ sở hạ tầng tốt là yếu tố quan trọng giúp rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa; kết nối các mắt xích trong chuỗi cung ứng, từ nguyên liệu đầu vào đến phân phối sản phẩm ra thị trường. Ngoài ra, một hệ thống cơ sở hạ tầng tốt còn là yếu tố để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đặc biệt, với vị trí tiếp giáp Biển Đông - tuyến hàng hải huyết mạch nối liền các nền kinh tế lớn trên thế giới, Việt Nam cần phát huy hơn nữa thế mạnh của giao thông vận tải biển (năng lực vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn với chi phí thấp) nhằm thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như khẳng định vị trí chiến lược của Việt Nam trong các tuyến đường biển quốc tế.

Thứ tư, bài học về phát triển hài hòa và cân bằng giữa nội thương và ngoại thương. Từ việc nghiên cứu thương nghiệp Việt Nam dưới triều Minh Mạng có thể nhận thấy, nhà nước tập trung cho nền nội thương, còn ngoại thương phát triển trong một chừng mực nhất định. Điều này khiến thương nghiệp triều Minh Mạng chưa thật sự phát huy được hết tiềm năng. Đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, việc chỉ tập trung vào nội thương thì nền kinh tế sẽ bị cô lập, ngược lại nếu chỉ chú trọng vào ngoại thương thì nền kinh tế có thể rơi vào phụ thuộc. Thực tiễn cho thấy mỗi lĩnh vực đều có vai trò, chức năng riêng biệt nhưng luôn có mối liên hệ mật thiết và bổ trợ lẫn nhau để trở thành hai

trụ cột của nền kinh tế thương nghiệp. Do vậy, chính sách phát triển hợp lý, cân bằng giữa nội thương và ngoại thương là điều kiện để xây dựng một nền kinh tế thương nghiệp vừa có nền tảng vững chắc ở bên trong vừa có năng lực hợp tác với các nền kinh tế khu vực và thế giới. Hay nói cách khác, đây cũng chính là bài học phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thứ năm, bài học về hội nhập kinh tế quốc tế. Có lẽ đây là một bài học kinh nghiệm sâu sắc được rút từ nền ngoại thương triều Minh Mạng. Trong sự đối sánh với giai đoạn trước và sau, hơn hai mươi năm cầm quyền của Minh Mạng đánh dấu cho sự hội nhập mạnh mẽ của nhà Nguyễn với nền kinh tế khu vực. Việc nhà nước chủ động thiết lập quan hệ giao thương với Trung Quốc và các quốc gia ở ĐNA trên cả hai chiều (đón nhận thương nhân ngoại quốc đến và đến các quốc gia để buôn bán) là một bước phát triển mới của ngoại thương triều Minh Mạng. Qua đó, thương mại Việt Nam đã trở thành một mắt xích trong mạng lưới thương mại Nội Á. Tuy nhiên, với phương Tây, mặc dù không chối từ những sản phẩm của phương Tây nhưng triều đình rất thận trọng trong mối giao thương này. Chủ trương này đã được Minh Mạng triển khai qua việc không đi đến ký kết các hiệp định thương mại, chỉ cho phép thương nhân phương Tây cập cảng Đà Nẵng, kiểm soát nghiêm ngặt thương thuyền nhằm phòng ngừa mọi hoạt động can thiệp của các nước phương Tây vào nội tình đất nước qua con đường thương mại. Đây như một phương thức tự vệ của triều Minh Mạng trước làn sóng thuộc địa của phương Tây đang hướng đến các quốc gia ĐNA. Tuy vậy, việc thực thi chính sách hạn chế phương Tây hay “mở cửa nửa vời” đã đem lại những bất lợi nhất định. Đó là triều Minh Mạng đã không thể khai thác hết lợi ích từ giao thương quốc tế. Trong giai đoạn hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành chiến lược trong xây dựng, phát triển kinh tế. Có hội nhập kinh tế quốc tế, nền kinh tế Việt Nam mới có thể mở rộng thị trường; thu hút đầu tư; nâng cao năng lực cạnh tranh; thúc đẩy quá trình hợp tác; hoàn thiện thể chế phù hợp với luật pháp, những nguyên tắc chung của thế giới và khẳng định vị thế của quốc gia trên trường khu vực, quốc tế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Lê Thị Hoài Thanh (2023), “Các tuyến đường vận tải hàng hóa và giao thương ở Thừa Thiên Huế dưới triều Minh Mạng (1820-1840)”, *Hệ thống giao thông ở Thừa Thiên Huế từ thế kỷ XIX đến nay*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.46-58.

2. Lê Thị Hoài Thanh (2023), “Dấu ấn Gia Hội, Chợ Dinh, Bao Vinh trong nền kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn (1802-1858)”, *Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy giá trị các khu phố cổ tại Huế*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, 22-12-2023, tr.109-118.

3. Lê Thị Hoài Thanh (2024), “Thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn: Tiếp cận từ góc nhìn của các nhà nghiên cứu nước ngoài”, *Hội thảo khoa học Quốc gia Các nhà nghiên cứu trẻ năm 2024*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 19-12-2024, tr.50-56.

4. Lê Thị Hoài Thanh (2025), “Hoạt động chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa dưới thời vua Minh Mạng”, *Nghiên cứu chủ quyền quốc gia, lãnh thổ theo định hướng tiếp cận toàn bộ và toàn diện của lịch sử Việt Nam*, tập III, Nxb Thế giới, tr.131-140.

5. Lê Thị Hoài Thanh (2025), *Hoạt động thu mua hàng hóa của nhà nước dưới triều Minh Mạng (1820-1840)*. Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 11, số 1b, tr.68-81.

6. Lê Thị Hoài Thanh, Trương Công Huỳnh Kỳ (2025), *Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 (593), tr.15-26.

7. Lê Thị Hoài Thanh (2025), *Mặt hàng đường trong nền thương mại Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820-1840)*, Tạp chí *Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 134, số 6D, tr.47-59.

**HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF EDUCATION**

LE THI HOAI THANH

**VIETNAMESE COMMERCE UNDER THE
REIGN OF EMPEROR MINH MANG
(1820-1840)**

**ABSTRACT OF THE DOCTORAL DISSERTATION
IN VIETNAMESE HISTORY**

Hue, 2026

**HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF EDUCATION**

LE THI HOAI THANH

**VIETNAMESE COMMERCE UNDER THE
REIGN OF EMPEROR MINH MANG
(1820-1840)**

Major: Vietnamese History

Code: 9229013

**ABSTRACT OF THE DOCTORAL DISSERTATION
IN VIETNAMESE HISTORY**

Supervisor: Associate Professor, Dr. Hoang Chi Hieu

Associate Professor, Dr. Truong Cong Huynh Ky

Hue, 2026

INTRODUCTION

1. Rationale for choosing the research topic

In 1820, succeeding Gia Long, Prince Đảm ascended the throne, taking the regnal name Minh Mạng, becoming the second emperor in the history of the Nguyễn dynasty. During Minh Mạng's reign (1820-1840), Vietnam achieved tremendous successes. A key factor contributing to the nation's strength was its economy. While agriculture was prioritized and heavily invested in, non-agricultural sectors did not lag behind under the reign of emperor Minh Mạng. To ensure the smooth flow of goods in the market, Minh Mạng effectively implemented commercial policies and strictly managed commercial activities.

Historians have conducted numerous studies on the commerce under the Nguyen dynasty. However, the number of in-depth research on commerce under each individual emperor remains rather limited. Specifically, under the reign of emperor Minh Mạng, details regarding commercial policies, state/people's trade activities, and trade relations between the Nguyen dynasty and foreign merchants remain largely unexplored. The Nguyen dynasty's "closed-door" policy has been heavily criticized and considered a major cause of the country's isolation and eventual decline. Therefore, how should this issue be viewed appropriately? Did the Nguyen dynasty under the reign of emperor Minh Mạng truly suppress commerce and maintain a closed-door policy? If so, to what extent? Addressing these issues will contribute to a clearer picture of the commerce. Consequently, studying Vietnamese commerce under the reign of Minh Mạng is of significant scientific and practical importance..

In terms of scientific significance: the dissertation reconstructs commercial activities under the reign of emperor Minh Mạng in terms of policies, goods, merchants, customers, trading methods, etc., thereby drawing conclusions about the characteristics and role of commerce. On the other hand, the dissertation also contributes to providing new insights into the Nguyễn dynasty.

In terms of practical significance: the dissertation draws valuable lessons for the construction and development of the economy in the

current period. The dissertation also serves as a useful reference for teaching and research on commercial economics and the history of the Nguyen dynasty.

Based on the above considerations, we have chosen the topic “Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)” as the subject of our doctoral dissertation in Vietnamese history, code 9229013.

2. Research objectives and tasks

2.1. Research objectives

This dissertation clarifies Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840), thereby deriving its characteristics and role.

2.2. Research tasks

- Collect, process, and systematize relevant documents.
- Analyze the factors affecting Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang.
- Clarify domestic and foreign trade activities under the reign of emperor Minh Mang.
- Identify the characteristics and role of Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang.

3. Research subjects and scope of research

3.1. Research Subjects

The subject of this dissertation is Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mạng.

3.2. Scope of the research

- Spatial scope: takes place throughout Vietnam, with a focus on some representative localities and countries in the Asian region.
- Time scope: calculated according to the reign of Minh Mạng, from the year Canh Thin (1820) to the year Canh Ty (1840).
- Scope of content: This dissertation studies commercial policies, domestic and foreign trade activities, thereby identifying the characteristics under the reign of emperor Minh Mạng

4. Sources of materials and research methods

4.1. Sources of materials

- Original sources: including official histories, geographical records, and official documents compiled by the National Historical

Institute and the Cabinet of the Nguyen dynasty; contemporary records of merchants and diplomatic delegations visiting Vietnam.

- Research works: monographs/reference books, dissertations, theses, scientific research projects at all levels, scientific conferences, and articles in specialized journals.

- Field research data: This is the result of field surveys, interviews, and documentation conducted in localities with historical events related to commercial activities under the reign of the Minh Mạng.

4.2. Research methods

This dissertation utilizes the dialectical materialism and historical materialism of Marxism-Leninism as its research methodology. The two main research methods are the historical method and the logical method. In addition, analytical, synthetic, statistical, and comparative methods are also employed to clarify the issues raised.

5. Contributions of the dissertation

Firstly, the dissertation contributes to a systematic and comprehensive reconstruction of the commercial economy under the reign of emperor Minh Mạng (1820-1840) in both domestic and foreign trade aspects.

Secondly, the dissertation analyzes and evaluates the characteristics and role of commerce in the economic, cultural, and social life under the reign of emperor Minh Mạng, thereby identifying the position of commerce in the country's economy and political, cultural, and social life.

Thirdly, this dissertation will contribute new insights into the Minh Mạng reign, leading to more accurate assessments of the Nguyen dynasty's commerce, especially foreign trade under the reign of emperor Minh Mạng.

Fourth, the dissertation draws lessons learned that can be applied in the context of national development linked to the increasingly deep integration into the international economy, aiming to affirm the nation's position in the regional and international arena. The dissertation also serves as a valuable reference for teaching and research on the history of commerce under the Nguyen dynasty in particular and the Vietnamese economy during the medieval period

in general.

6. Structure of the dissertation

Besides the introduction, conclusion, references, and appendices, the dissertation is structured into four chapters.

Chapter 1. Overview of the research problem

Chapter 2. Factors affecting Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)

Chapter 3. Domestic and foreign trade activities in Vietnam under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)

Chapter 4. Characteristics and role of Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)

CHAPTER I

OVERVIEW OF THE RESEARCH PROBLEM

1.1. Research problem

1.1.1. A brief overview of Minh Mang

Minh Mang's given name was Nguyen Phuc Dam. He was the fourth son of Gia Long. In 1816, he was appointed Crown Prince. Four years later, the Crown Prince ascended the throne at Thai Hoa palace. Under emperor Minh Mang reign, the country achieved outstanding successes in politics, economics, and culture. Minh Mang always reminded himself to diligently attend to his duties, be filial to his parents, be strict in educating his children, and write many poems and essays.

1.1.2. Issues of Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)

Commerce is understood as the economic sector that specializes in the circulation of goods through buying and selling activities. Commerce includes domestic trade and foreign trade.

Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang existed during a period of consolidation and refinement of the centralized autocratic monarchy. Although prioritizing agriculture, Minh Mang did not deny the importance of commerce. Therefore, this dissertation aims to answer the following questions: to what extent did commerce develop? Was the policy of prioritizing

agriculture and suppressing commerce an absolute barrier to commercial activity? What was the relationship between commerce and the centralized regime, and what was the role of commerce.

1.2. Research status

1.2.1. Research on Vietnamese commerce under the Nguyen dynasty

Research findings on Vietnamese commerce under the Nguyen dynasty can be broadly categorized into the following five groups of issues:

1.2.1.1. Research on trade policies under the Nguyen dynasty

1.2.1.2. Research on commercial activities in local areas

1.2.1.3. Research on the commercial activities of the Chinese

1.2.1.4. Research on trade relations between the Nguyen dynasty and neighboring/regional/Western countries.

1.2.1.5. Research on the goods traded

Within each group of issues, the thesis analyzes research findings both domestically and internationally by scholars such as: Nguyen The Anh, Phan Huy Le, Nguyen Thua Hy, Do Bang, Nguyen Quang Ngoc, Truong Thi Yen, Dinh Thi Hai Duong, Cao Thi Van,...; Alexander Barton Woodside, Anthony Reid, Li Tana, Choi Byung Wook, Taga Yoshihiro,...

1.2.2. Research on Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)

1.2.2.1. Domestic research works

Research on commerce under the reign of emperor Minh Mang mainly focuses on foreign trade. These include the thesis “Vietnamese foreign trade under the Minh Mang dynasty (1820-1840)” by Le Thi Kim Dung (Faculty of Social Sciences and Humanities, Hanoi, 1998); the article “Nguyen dynasty imperial records and imperial records of the 6th and 7th years of Minh Mang (1825-1826)” by Phan Huy Le (Table of contents of Nguyen dynasty imperial records, Culture Publishing house, 1998); “Opium control under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)” (Nguyen Thi Thu Thuy, Nguyen Thi Nga, Journal of Historical Studies, No.8-2016); and “Opium control in Vietnam under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840)” (Nguyen The Trung, Journal of Indian and

Asian Studies, No. 1-2023)...

1.2.2.2. Foreign research works

Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mạng has been studied through several works, including: “A new phase of commercial expansion in Southeast Asia, 1760-1840” by Anthony Reid (The last stand of Asian autonomies: responses to modernity in the diverse states of Southeast Asia and Korea, 1750-1900, edited by Anthony Reid (Macmillan Press); The Southern Region under the Minh Mạng Dynasty (World Publishing House, 2011) by Choi Byung Wook; and Sources of Vietnamese tradition by George E. Dutton, Jayne S. Werner, and John K. Whitmore (Columbia University Publishing House, 2012).

1.3. Inherited issues and issues requiring further research

1.3.1. Inherited issues

Firstly, direct research on the commerce of the Nguyen dynasty has provided a systematic view and reconstruction of commercial activities in urban areas/ports; market networks; traded goods; trade routes; and trade relations between the Nguyen dynasty and foreign merchants.

Secondly, although the number of in-depth studies on commerce under the reign of emperor Minh Mang is not very large, the results achieved in research on foreign trade, anti-opium trafficking activities, the role of the Chinese in commercial activities, and smuggling provide a basis for this thesis to refer to.

Thirdly, the assessments and evaluations of commerce under the Nguyen dynasty/Minh Mang reign by previous researchers, along with their approaches, have inspired and guided us with new ideas in our research.

1.3.2. Issues requiring further research

Firstly, the dissertation further clarifies the factors affecting Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang.

Secondly, the dissertation conducts in-depth research on domestic and foreign trade activities under the reign of emperor Minh Mang.

Thirdly, the dissertation identifies the characteristics and role of commerce in the economic, political, and socio-cultural life of the country under the reign of emperor Minh Mang.

CHAPTER 2

FACTORS AFFECTING TRADE IN VIETNAM UNDER THE REIGN OF MINH MANG (1820-1840)

2.1. Historical context

2.1.1. Global and regional situation

In the first half of the 19th century, the economic and political situation of the world in general and Southeast Asia in particular impacted the internal development of nations. Western capitalist countries experienced strong economic growth under the influence of the first scientific and technological revolution, leading to an ever-increasing demand for raw materials, goods, labor, and markets. This explains the efforts of the British, French, and Dutch to establish a foothold in Eastern countries, including Southeast Asia.

In East Asia, China is a major economy with significant production capacity and a large consumer market. Alongside it, Singapore, founded in 1819, quickly became a major trading center, attracting merchants from many countries.

Furthermore, the shift from spice trade to rice, salt, and sugar opened up opportunities for rice-producing countries like Vietnam and Siam to participate in the vast market. In addition, the increase in opium trafficking became a serious problem, forcing governments to respond with various measures.

2.1.2. Domestic situation

2.1.2.1. Political situation

The state apparatus became increasingly complete with a system of specialized agencies and a highly qualified bureaucracy. The army and the legal system were further refined. Emperor Minh Mang paid particular attention to managing key areas on land and sea to monitor and supervise commercial activities and ensure maritime security. In addition, rebellions affected commercial activities.

2.1.2.2. Economic situation

** Agriculture*

Identified as a leading economic sector, agriculture receives state attention through the implementation of land policies aimed at

managing and expanding cultivated areas; irrigation, pest control, planting new rice varieties, and developing horticultural economies. The stability of the economy has created a food supply that not only meets the needs of the local population but also provides a surplus for sale in domestic and international markets.

** Handicrafts*

State-owned handicrafts made significant progress. Products such as boats, weapons, and handcrafted items served the needs of overseas trade, maritime patrols, and the prevention and control of piracy, protecting merchant ships.

Traditional handicrafts are present in all localities with a diverse range of trades such as pottery, weaving, bronze casting, sugar making, etc. Handicrafts play an important role in supplying goods to the market.

2.1.2.3. Socio-cultural situation

** Cultural situation*

Cultural life has seen new developments. Confucianism, Buddhism, Taoism, Christianity, and folk beliefs have diversified religious and intellectual life. In addition, education and the examination system have achieved significant successes, contributing to the training of a large intellectual workforce.

** Social situation*

Society operated within the framework of a centralized monarchy. Social life was strongly influenced by Confucian regulations and rituals. This contributed to a disciplined social order. Social policies enacted by the court had a positive effect on social stability. However, natural disasters, crop failures, and heavy taxation still threatened the lives of the people.

2.2. The state of Vietnamese commerce before 1820

2.2.1. Domestic trade

The monarchical dynasties before 1820 enacted policies on currency, weights and measures, and taxation. Based on these, a network of markets, large trading centers, and trade routes was formed and continued to develop. By the reign of Gia Long, the country had over 600 markets with a wide variety of goods.

2.2.2. Foreign trade

For nearly ten centuries, monarchical dynasties established trade relations with merchants from neighboring countries/regions/the West. Under the reign of emperor Gia Long, the emperor continued to allow foreign merchants to trade in Vietnam. In these trade relations with foreign merchants, Vietnam purchased weapons, raw materials for weapon casting, silk, handicrafts, etc., and sold other products such as sugar and cinnamon.

2.3. Commercial policies of the Minh Mang reign (1820-1840)

2.3.1. Organization of the trade management agency

Commercial activities were managed by three departments: Tao chinh, Thuong bac, Hanh nhan, while the imperial court also assigned the Ministries of Finance, Public Works, Justice, and Military to handle certain related areas.

2.3.2. Unification of currency and measurement units

The imperial court minted copper coins and silver ingots under the names Minh Mang Thong Bao and Minh Mang Phi Long. In addition, the court standardized the exchange value of currency units, the ratio of metals mixed in minting, prohibited illegal minting, and implemented a system of direct exchange.

Under the reign of emperor Minh Mạng, regulations were established specifying the types of instruments and functions of each unit of measurement. Based on these regulations, the state proceeded to manufacture standardized measuring instruments to be directly distributed to local areas.

2.3.3. Development of commercial infrastructure

The Minh Mang reign focused on the construction and repair of roads and bridges. Regarding waterways, the state undertook the dredging of rivers and canals, and developed sea routes for transporting public goods and facilitating trade. In addition, the court expanded the network of markets and seaports to support commercial activities.

2.3.4. Improving commercial taxation

2.3.4.1. Domestic trade tax

Domestic trade taxes included “quan tân” tax, “biệt nạp” tax, commodity tax, and market tax. The imperial court stipulated specific methods of tax payment, including payment in copper/silver coins; tax exemptions/reductions; and the responsibilities of tax-collecting officials.

2.3.4.2. Foreign trade tax

Foreign trade taxes included residence tax, import tax, and goods tax. In addition, policies regarding tax declaration and management, and the prevention and punishment of violations by merchant ships/officials were also enacted.

2.3.5. Management of merchant ships and traders

2.3.5.1. For merchant ships and domestic traders

The management of merchant ships and traders within the country was reflected in regulations concerning ship assignments; private traders participating in the transportation of state-owned goods; the activities of overseas Chinese merchants; policies prohibiting the construction of unusual/Qing dynasty-style ships and renaming various types of ships. The state only encouraged domestic trade activities by merchants and prohibited them from trading abroad.

2.3.5.2. For foreign merchant ships and traders

The imperial court intensified control over the number of people and goods on merchant ships, regulated port locations, and restricted contact between Western merchants and the local population.

2.3.6. Strict control of import and export goods

The imperial court permitted the export of goods such as sugar, cardamom, pepper, cardamom, ivory, rhinoceros horns, bird's nests, etc., and the import of handguns, gunpowder, steamboats, cotton and wool fabrics, brocade fabrics, glassware, mirrors, rice, and prohibited the import of opium.

2.3.7. Promoting the State's foreign trade activities

The Minh Mang reign sent envoys to China and Southeast Asian countries for trade. Accordingly, the court established a strict process, from appointing envoys and receiving goods to trading methods, pricing, and procedures for declaring purchased and imported goods. The court also enacted regulations for envoys, including provisions for food, salary advances, allowances, leave time, and severe punishments for envoys and soldiers who committed offenses during the course of their duties.

2.3.8. Ensuring safety and security for commercial activities

2.3.8.1. Rescue and salvage of merchant ships

In response to accidents involving merchant ships such as natural disasters, grounding, hitting reefs, capsizing, and fires, the Minh Mang reign promptly dispatched forces to provide timely assistance.

Depending on the severity of the situation, appropriate forms of support were provided (money, rice, repatriation of merchant ships, tax exemption).

2.3.8.2 Preventing and combating piracy to protect merchant ships

Combating piracy has always been identified as a top priority to ensure the security of the sea and islands. To combat piracy, the imperial court intensified maritime patrols, provided ships and weapons to some localities for defense, and dispatched forces to rescue merchant ships when attacked by pirates.

CHAPTER 3 DOMESTIC AND FOREIGN TRADE ACTIVITIES UNDER THE REIGN OF EMPEROR MINH MANG (1820-1840)

3.1. Domestic trade

3.1.1. State-owned trading activities

3.1.1.2. Goods procurement activities

** Purpose*

The procurement of goods aims to meet the needs of the state's political, social, military, and cultural activities; diplomatic activities; and the export of goods.

** Method*

Each year, the Ministry of Finance assesses what goods and quantities are needed in the capital. The list is then sent to the localities for procurement, or the government sends envoys to the localities to directly procure the goods.

In addition to purchasing readily available goods, the Minh Mang reign also provided capital to production households and would collect the ordered goods after the households completed their production. This capital could be provided in the form of rice, paddy, or money.

** Item*

The goods purchased are very diverse and can be divided into groups: grains, hardware, silk, medicinal herbs, various types of tea, fruits, produce, household items, and miscellaneous materials.

The imperial court also stipulated the types and quantities of

goods to be purchased periodically or at times of immediate need; the transportation of goods; and the construction of warehouse systems for storing and preserving goods.

** Price*

Purchase prices were based on prices set by merchants, manufacturers, or at the market. Sometimes, the imperial court would buy at a price higher than the market rate. The purchasing process was always conducted in the spirit of “not haggling over high or low prices” and the state usually paid favorable prices to producers.

** The system concerning mandarins*

The imperial court provided funds to officials from the capital to the provinces to purchase goods. Mandarins who performed their duties well were rewarded with money or silver. Mandarins who committed offenses, such as offering lower prices than the state-regulated price, over-weighting goods, or causing difficulties for sellers, were punished appropriately.

** Ensuring benefits for sellers*

The imperial court always cared about the interests of the merchants. When people faced difficulties in supplying goods, Minh Mang would stop the procurement. On the other hand, if the procurement was unreasonable and caused hardship for the people, the state would also cancel it.

3.1.1.2. Goods trading activities

** Purpose*

The state’s goods selling activities were intended to served two purposes. Firstly, the state sold paddy and rice to address food shortages and regulate rice prices in the market. Secondly, it aimed to resolve the problem of surplus goods.

** Method*

The imperial court would send officials directly to the localities to carry out the task of selling goods to the people.

** Price*

Originating from the purpose of famine relief and regulating rice prices in the market, the state-set prices were always lower than market prices, usually fluctuating between 8 coins and 1 quan per bushel of rice. Other goods such as raw silk, cloth, and medicine were priced according to market rates.

** Activities*

During times of crop failure, famine, and high rice prices, the state sold rice to the people in February 1820, November 1820, September 1822, October 1822, November 1822, January 1823, November 1823, April 1824, July 1824, September 1825, March 1829, February 1832, August 1832, November 1832, January 1833, February 1833, March 1833, July 1833, August 1833, November 1833, February 1834, June 1835, October 1835...

** The system concerning mandarins*

During the execution of their duties in selling state-owned goods, the mandarins in charge received a salary and travel allowance; their journeys were by post horse, and each person was allowed to bring three attendants. Any violations, such as inaccurate weighing, were severely punished by the court.

3.1.2. The commerical activities of the populace

3.1.2.1. Trading components

Merchants involved in trade included small traders, small business owners, and merchants. Farmers and artisans could also become merchants for a short time at the market.

In terms of ethnic composition, there are ethnic minorities, Vietnamese people, and Chinese people.

In terms of gender, women are the primary force at local markets. For long-distance trading trips, men are also present in addition to women.

3.1.2.2. Network of markets, streets and trading centers

Under the reign of emperor Minh Mạng, the market network developed significantly. In terms of location, markets in districts and communes were often held in spacious areas, near riverbanks, floating markets on the river, temple courtyards, or close to temples.

In terms of timing, the market mainly operates on a periodic basis. Each market session takes place within three main time frames: morning, afternoon, or throughout the day.

In terms of scale and structure, some markets are makeshift, held on open land, temporarily constructed with bamboo, while others have permanent stalls and shops.

Besides village and district markets, domestic trade also flourishes in urban areas and neighborhoods.

3.1.2.3. Trading methods

In village markets, farmers or artisans bring agricultural products

and handicrafts to sell and buy goods for production and daily life. With a formal trading force, some specialize in “buying at the beginning of the market and selling at the end” or, if they have more capital, they will purchase large quantities of goods from producers and then resell them on the market.

3.1.2.4. Items

The main goods traded at the market can be divided into groups: agricultural products (rice, potatoes, beans, fruits, etc.); forest and agricultural products (pine oil, lacquer, resin, agarwood, ky nam (a type of fragrant wood), cinnamon, beeswax, etc.); seafood (shrimp, crab, fish, squid, etc.); handicrafts (tools, pottery, fabrics, mats, hats, paper, sugar, etc.).

3.1.2.5. Trade routes

** Trade routes between provinces*

Minh Mang once asserted that transporting goods from places of abundance to places of scarcity was always a vital need for merchants. Particularly noteworthy was the trade of rice, salt, and other goods between provinces, and between the southern and central provinces of Vietnam. The circulation of goods between provinces was largely carried out by river or sea.

** Trade route between the lowlands and the highlands*

The mountains and forests provided people with rare and valuable products, but they lacked essential items like rice and salt. Therefore, the up-and-down trade routes were a crucial part of domestic commerce. The participants in this trade were quite diverse, ranging from professional traders to amateurs, including both Kinh people and ethnic minorities.

3.2. Foreign trade

3.2.1. Trade activities with merchants from countries in the region

3.2.1.1. Trading with Chinese merchants

Trade relations between Vietnam and China held a significant position in Vietnam’s foreign trade. Common goods traded between the two countries included: Vietnam buying textiles, ceramics, fruits, etc., and selling betel nuts, cardamom, dried fish, sugar, cinnamon, etc. In addition, the imperial court also sent envoys to Guangdong to select and purchase goods from Chinese merchant ships.

3.2.1.2. Trading with Southeast Asian merchants

The Minh Mang reign engaged in trade with merchants from Cambodia, Laos, Siam, Singapore, and Batavia. The goods the state sold included rice, sugar, cinnamon, and resin, while it purchased jewelry, glass, cotton, wool, weapons, and steamships.

3.2.2. Trade activities with Western merchants

3.2.2.1. Trade with British merchants

Due to a policy of restricting trade relations with the West, trade with British merchants was only reflected in events in 1838 and 1840. Under the reign of emperor Minh Mang, the main goods sold to British merchants were sugar, while in return they purchased zinc, explosives, gunpowder, guns, and steamships.

3.2.2.2. Trade with French merchants

The imperial court still allowed French merchants to come simply for trade. Therefore, they came to Vietnam in 1824, 1825, 1826, and 1830. The court sold sugar and bought guns, flint, and gunpowder.

CHAPTER 4

CHARACTERISTICS AND ROLE OF COMMERCE IN VIETNAM UNDER THE REIGN OF EMPEROR MINH MANG (1820-1840)

4.1. Characteristics

4.1.1. Commerce operates within a consistent mechanism with strict state management

Commerce operated within a consistent mechanism linked to a system of policies concerning currency, measurement, taxation, merchants, and trading ships. At the same time, commercial activities were subject to strict state control in both domestic and foreign trade.

4.1.2. Domestic trade was a highly diverse market economy involving the participation of many social group and various forms of exchange and trade

In terms of scale, domestic trade developed over the largest territory ever, with a network of markets throughout the localities and trading centers. In terms of trading participants, they included the royal court, mandarins, peasants, craftsmen and professional merchants. In terms of form, besides small-scale trading in village markets, there was also large-scale exchange of goods (along land

and water transport routes, the North-South axis).

4.1.3. Foreign trade has developed, but it mainly took place within Intra Asia

Stemming from a policy of “limiting Western influence”, foreign trade primarily took place within Intra Asia. More than ever, Vietnam’s trade relations with China, and especially with Singapore, experienced strong growth. While Intra Asian trade yielded significant achievements, the restrictions on trade with the West reduced the opportunities for the Minh Mang reign to access Western technology and goods.

4.1.4. The state’s monopoly of foreign trade and selected commodities

The state holds a monopoly on foreign trade, including official trips abroad for business and the trade of strategic goods. This monopoly aims to consolidate national power, concentrate financial resources, and ensure security, but it also has negative consequences for the economy.

4.1.5. Commerce was closely associated with the affirmation and protection of national sovereignty

Commerce is not merely a purely economic activity but is also closely associated with the issue of national sovereignty. The affirmation and protection of national sovereignty is manifested through the state’s strict control over border trade, measures to ensure the security of merchant ships navigating the seas, and especially through a policy of restricting trade relations with the West.

4.2. Role

4.2.1. Regarding the economy

4.2.1.1. Contribution to national budget revenue

Commercial taxes are a source of revenue for the national treasury. From this revenue, the state is able to maintain reserves, ensuring funding for political, military, diplomatic, and socio-cultural activities.

4.2.1.2. Circulation of money and goods in the economy

Commercial activity plays a crucial role in the circulation and distribution of money and goods. This role contributes to price

stability and creates a favorable environment for production and consumption.

4.2.1.3. Promoting the development of agricultural and handicraft economies

The development of commerce depends heavily on agricultural and handicraft products. Conversely, the demand for goods that meet both quantity and quality standards becomes a driving force, stimulating the development of agriculture and handicrafts.

4.2.2. Regarding politics

4.2.2.1. Consolidating domestic power and asserting the nation's position in the region

From commercial taxes, the state maintains national operations. Goods obtained from trade bring material wealth to the nation. From this source, the state undertakes the construction of public works, modernizes the military, and provides for officials and soldiers. The nation's position is also demonstrated through foreign trade; rescue operations for merchant ships and prevention and control of piracy.

4.2.2.2. Contribution to the maintaining and development diplomatic relations with neighboring/regional countries

Establishing trade relations between Vietnam and other countries was significant in strengthening diplomatic ties. The imperial court also sold or lent rice to countries facing food shortages and rescued foreign merchant ships, thus building an image of a nation with economic potential and responsibility, thereby contributing to the development of harmonious relations between nations.

4.2.3. Regarding socio-cultural aspects

4.2.3.1. Meeting the cultural needs of all social classes

Goods obtained through commerce have met the material and spiritual cultural needs of all social classes. Furthermore, commercial activity is also seen as a channel for cultural exchange and adaptation with many people in different spaces. This includes exchanges between Vietnamese people and between Vietnamese people and foreigners.

4.2.3.2. Promoting urban expansion and development

Under the influence of commercial activities, Gia Dinh, Phu Xuan, Da Nang, and other local trading centers underwent significant

transformations.

4.2.3.3. Expanding understanding of the situation in other countries, industries, and levels of science and technology

Commerce was a tool for the Minh Mang reign to understand the situation in neighboring countries/regions. Furthermore, it fostered understanding of contemporary science and technology and created a need for a workforce proficient in foreign languages to support commercial activities.

4.2.3.4. Stabilizing and maintaining social order and security, especially in border areas and islands

Through its network of markets, patrol offices, and trading ports, the state strengthened its role in supervising and maintaining social order and security, especially in mountainous areas, border regions, and islands. In addition, the imperial court also paid close attention to the strict control of opium trade.

CONCLUSION

1. Emperor Minh Mang once emphasized that “merchants make goods circulate” (QSQTN, 2007d, p. 233). This is a clear affirmation of the role of the merchant class in particular and commerce in general in socio-economic life. Therefore, throughout his more than twenty years of reign, the emperor not only cared for agriculture but also paid great attention to the development of commerce, primarily through policy. It can be seen that the commercial policy under the reign of Minh Mang was quite typical and played a foundational role for subsequent periods. Specifically, emperor Minh Mang unified the currency and measurement units; developed commercial infrastructure; ensured commercial safety and security through rescue operations and prevention of sea pirates to facilitate commercial activities. At the same time, he implemented policies to improve domestic and foreign trade taxes; and managed domestic and foreign merchant ships and traders. Regulations on import and export goods were also enacted, providing a basis for commerce to operate within the framework prescribed by the state..

2. Commercial activities under the reign of emperor Minh Mang achieved significant results. In the field of domestic trade, trading activities between the state and the people were quite vibrant. As a component of domestic trade, the state regularly procured goods to prevent surpluses and ensure the state had sufficient goods for its needs. From proposing policies to implementing the purchase of readily available goods or providing capital to producers in cash/rice to ensure a sufficient variety of goods throughout the country, all activities were carried out very actively and proactively under the strict inspection and supervision of the court. State procurement activities were always implemented in the spirit of ensuring the rights of the people. That is, the purchase prices were always based on the market, and in some cases, the state even paid a higher price than the previously agreed-upon purchase price. On the other hand, the state's payment to producers or traders in money/silver or a mixture of money and silver reflected the court's flexibility in providing maximum support to the people. Paying for goods or providing capital in rice when the state purchased commodities was an effective and highly flexible method employed by the Minh Mang dynasty to mitigate rising rice prices and ensure food security during times of crop failure. The state not only acted as a buyer but also as a seller for the people. The main commodity sold by the state was rice. During times of crop failure and famine, the state opened its granaries and sent officials to various localities to sell rice to the people. Thus, the state's trading activities took on the additional function of regulating rice prices and providing relief to the people - something that ordinary people's commerce could hardly achieve. Unlike state trading, private trading took place on a vast scale and involved a diverse range of participants. Market networks covered all provinces nationwide. In urban areas, trading also occurred in streets, commercial centers, and ports. Private trading attracted people from all walks of life, from merchants, farmers, and artisans to officials and soldiers, encompassing men, women, the elderly, and the young. Therefore, each market day can be seen as a microcosm of society.

In the field of foreign trade, the Minh Mang reign established trade relations with merchants from neighboring countries, countries in the region, and Western merchants. Among these, trade relations

between Vietnam and China always held the top position. The geographical proximity and long-standing trading traditions made Chinese merchants frequent trading partners during the years 1820-1840. Furthermore, the Minh Mang reign's ships, which sailed to the islands of Southeast Asia in the largest numbers among all the Nguyen dynasties, are considered a very prominent feature of the foreign trade at that time. Thus, the Minh Mang reign's "Southward Policy" marked a new step forward in both thinking and action. Vietnam's foreign trade was not only an inbound journey for foreign merchants but also an outbound one from Vietnam. This commercial activity demonstrated the maritime capabilities and business acumen of the Vietnamese people. The opening of maritime trade to countries in the Malay Archipelago marked Vietnam's integration into the Intra-Asian regional trade network. With the West, the Minh Mang reign implemented restrictions on trade relations with merchants from these countries. Although this trade was very limited compared to the trade relations between Vietnam and China or Vietnam and Southeast Asia, this contact, to some extent, brought in goods that the court desired. Closely linked to the procurement of goods from localities throughout the country and from abroad was the operation of transportation to move goods from procurement locations and foreign goods purchased directly from ports or ships from abroad to the capital. In addition, the Minh Mang reign paid special attention to the storage and preservation of goods. Thus, after commercial transactions were completed, the court implemented a synchronized system from transportation to storage and preservation of goods. Based on this, the state would have sufficient quantities of goods to meet the specific requirements of the court in the capital or localities at any given time, with the best possible quality guaranteed.

3. From domestic and international trade activities, Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang possessed several distinctive characteristics: commerce operated within a consistent mechanism with strict state management; domestic trade was a highly diverse market economy involving the participation of many social group and various forms of exchange and trade; foreign trade developed but mainly within Intra Asia; the state monopolized foreign trade and certain goods; and commerce under

the reign of emperor Minh Mang was closely associated to the affirmation and protection of national sovereignty. At the same time, commerce has also affirmed its role in all aspects of the economy (contributing to national treasury revenue; circulating currency and goods; promoting the development of agriculture and handicrafts); politics (consolidating power; affirming the nation's position; maintaining and developing diplomatic relations); and culture and society (meeting the needs of material and spiritual life; cultural exchange and transformation; promoting urban expansion and development; expanding understanding of the situation in countries in the region, in industries, science and technology; stabilizing and maintaining social order and security, border security, and island security). With these enormous roles, commerce truly occupies an equally important position in the stability and development of the nation.

4. Besides the achievements, Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang still had some limitations. These included: commerce not developing to its full potential due to the dominance of the “emphasizing agriculture while restricting commerce” ideology; private foreign trade activities were not encouraged; trade relations with the West were strictly controlled; the state did not fully utilize the strengths of some key commodities such as rice and natural products; official misconduct in the performance of duties continued; and smuggling persisted. In particular, the smuggling of rice and opium caused negative consequences both economically and socially. The court not only faced difficulties in controlling food security, taxes, and merchant ships, but more seriously, the health and social stability were severely affected by the amount of opium brought into Vietnam. This was also a limitation in ideology, policy, and implementation. This had a significant impact on the activities and outcomes of commercial development, causing Vietnam to miss opportunities to integrate with the international trade network in the 19th century.

5. Based on research into Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang, this dissertation initially draws lessons learned to serve the country's economic and commercial development strategy in the current context.

Firstly, the lesson concerns establishing the role of the state in managing and directing commerce. Under the reign of emperor Minh Mang, the state managed and directed commercial development in accordance with the political system and the country's actual situation in terms of human resources, goods, conditions of goods circulation, and the regional and global economic context. With the goal of promoting domestic production, goods circulation, and supplementing the national treasury, but without separating it from social stability and consolidating central power, the state exercised its management role by building a system of specialized agencies for commercial activities; promulgating commercial policies, regulating the market, and establishing trade relations with other countries. Moreover, the state had to remain flexible in adjusting its policies in order to adapt to changes in the domestic, regional, international markets, as well as to the developmental needs of the country. Thus, the role of the state in managing and directing commerce is essential.

Secondly, lesson on combining commercial development with the safeguarding of national sovereignty and security. Commercial activities are not simply economic in nature, but are also closely linked to national sovereignty and security. It can be seen that the Minh Mang reign always prioritized strict control over domestic and international trade, aiming to maintain political and social stability and ensure national sovereignty in the context of increasing Western encroachment. In other words, maintaining national sovereignty and political and social stability was always the number one goal and the guiding principle for all activities directly related to commerce. Especially in the current era of international economic integration, with economic development inseparable from the regional and global economies, ensuring national sovereignty in regional and international trade relations is absolutely essential.

Thirdly, the lesson regarding the development of infrastructure for commercial expansion. Despite facing numerous technical challenges and requiring a large workforce, the Minh Mang reign strived to improve the infrastructure system by repairing main roads, dredging rivers, digging canals, and building ports to facilitate the circulation of goods and expand domestic trade. Currently, transportation, encompassing road, inland waterway, sea, and air

transport, is improving in both quantity and quality. This is a crucial task and an urgent requirement because good infrastructure is essential for shortening the time it takes to transport goods; connecting links in the supply chain, from raw materials to product distribution to the market. Furthermore, a good infrastructure system is also a factor in attracting foreign direct investment. In particular, given its location bordering the East Sea - a vital maritime route connecting major economies around the world - Vietnam needs to further leverage its strengths in maritime transport (the ability to transport large volumes of goods at low cost) to promote import and export of goods and affirm Vietnam's strategic position in international sea routes.

Fourth, the lesson on achieving harmonious and balanced development between domestic and foreign trade. Studying Vietnamese commerce under the reign of emperor Minh Mang reveals that the state focused on domestic trade, while foreign trade developed only to a certain extent. This prevented Minh Mang's commerce from fully realizing its potential. In the context of current globalization, focusing solely on domestic trade would isolate the economy, while focusing only on foreign trade could lead to dependence. In practice, each sector has its own distinct role and function, but they are closely interconnected and mutually supportive, forming the two pillars of a commercial economy. Therefore, a rational and balanced development policy between domestic and foreign trade is essential for building a commercial economy with a solid internal foundation and the capacity to cooperate with regional and global economies. In other words, this is also a lesson in leveraging internal strengths and taking advantage of external forces to promote economic growth.

Fifth, the lesson on economic integration. Perhaps this is a profound lesson learned from the foreign trade of the Minh Mang reign. In comparison with the periods before and after, Minh Mang's more than twenty years of rule marked a strong integration of the Nguyen dynasty with the regional economy. The state's proactive establishment of trade relations with China and other Southeast Asian countries in both directions (welcoming foreign merchants and traveling to other countries to trade) was a new development in Minh Mang's foreign trade. Through this, Vietnamese trade became a link

in the intra-Asian trade network. However, with the West, although not rejecting Western products, the court was very cautious in this trade. This policy was implemented by Minh Mang through not signing trade agreements, only allowing Western merchants to dock at Da Nang port, and strictly controlling merchant ships to prevent any interference by Western countries in the country's internal affairs through trade. This served as a defense mechanism for the Minh Mang reign against the wave of Western colonial influence reaching Southeast Asian countries. However, the implementation of a policy restricting Western influence or a “half-hearted opening” brought certain disadvantages. Specifically, the Minh Mang reign was unable to fully exploit the benefits of international trade. In the current era, international economic integration has become a strategic element in economic development. With international economic integration, the Vietnamese economy can expand its markets; attract investment; enhance competitiveness; promote cooperation; perfect its institutions in accordance with international laws and principles; and affirm the nation's in the regional and international arena.

LIST OF PUBLISHED WORKS RELATED TO THE DISSERTATION

1. Le Thi Hoai Thanh (2023), “Cargo transport and trade routes in Thua Thien Hue under the reign of Minh Mang (1820-1840)”, Transportation system in Thua Thien Hue from the 19th century to the present, Thuan Hoa Publishing House, Hue, pp.46-58

2. Le Thi Hoai Thanh (2023), “The imprint of Gia Hoi, Cho Dinh, and Bao Vinh in the Vietnamese commercial economy under the Nguyen dynasty (1802-1858)”, Scientific Conference on Preservation and promotion of the value of ancient quarters in Hue, Thua Thien Hue Provincial historical science association, December 22, 2023, pp.109-118.

3. Le Thi Hoai Thanh (2024), “Vietnamese commerce under the Nguyen dynasty: An approach from the perspective of foreign researchers”, National scientific conference of young researchers 2024, Hue University of Education, Hue University, December 19, 2024, pp.50-56.

4. Le Thi Hoai Thanh (2025), “Sovereignty activities in Hoang Sa and Truong Sa under the reign of emperor Minh Mang”, Research on national sovereignty and territory according to a holistic and comprehensive approach to Vietnamese history, Volume III, The Gioi Publishing House, pp.131-140.

5. Le Thi Hoai Thanh (2025), State procurement activities under the reign of Minh Mang (1820-1840). Journal of Social Sciences and Humanities, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, Vol. 11, No. 1b, pp.68-81.

6. Le Thi Hoai Thanh, Truong Cong Huynh Ky (2025), Vietnam-China trade relations under the reign of emperor Minh Menh (1820-1840), Journal of Historical Studies, No. 9 (593), pp.15-26.

7. Le Thi Hoai Thanh (2025), Item sugar under the reign of emperor Minh Mang (1820-1840), Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities, Vol. 134, No. 6D, pp.47-59.